

Bản án số: 146/2020/DS-PT  
Ngày 16 - 11 - 2020  
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự  
vay tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Mạnh Hùng

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Bùi Hữu Nhân

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Phước Minh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 10/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện ĐT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 338/2020/QĐ-PT ngày 30/10/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm: 1954.

Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1957.

Địa chỉ: TDP 5C, thị trấn ĐT, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

***Người đại diện theo ủy quyền của bà V:*** Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm: 1954.

Địa chỉ: TDP 5C, thị trấn ĐT, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

(Văn bản ủy quyền ngày 05/10/2020).

***- Bị đơn:*** Bà Đỗ Thị S: sinh năm 1957.

Địa chỉ: TDP 1A, thị trấn ĐT, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo: Bà Đỗ Thị S – Bị đơn.*

(Ông H, bà S có mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị V thì:*

Vào khoảng năm 2014 đến năm 2018 bà S đã nhiều lần vay tiền của vợ chồng ông, bà để chi tiêu việc gia đình, cụ thể tổng số tiền gốc đã vay là 772.500.000đ (*Bảy trăm bảy mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng*) và số tiền lãi phát sinh từ năm 2014 đến 10/5/2019 là 155.218.400đ (*Một trăm năm năm triệu hai trăm mười tám ngàn bốn trăm đồng*), và tiền lãi phát sinh từ số tiền (772.500.000đ + 155.218.400đ) tính từ ngày 11/5/2019 đến nay là 92.771.840đ (*Chín mươi hai triệu bảy mươi bảy trăm bảy mươi một ngàn tám trăm bốn mươi đồng*). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là (772.500.000 đồng + 155.218.400 đồng + 92.771.840) = 1.020.490.240đ (*Một tỷ không trăm hai mươi triệu bốn trăm chín mươi nghìn hai trăm bốn mươi đồng*).

Nay vợ chồng ông H và bà V yêu cầu bà S phải trả cho vợ chồng ông, bà tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi là 1.020.490.240đ (*Một tỷ không trăm hai mươi triệu bốn trăm chín mươi nghìn hai trăm bốn mươi đồng*).

Chứng cứ chứng minh: Giấy vay tiền ngày 10/5/2019 âm lịch (Bản chính) có số tiền Vốn + lãi = 927.718.400 đồng ký tên người làm giấy SẮC (kèm theo là 14 giấy vay từ năm 2013 đến năm 2018 thể hiện cho Giấy vay tiền ngày 10/5/2019 âm lịch).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà ông H bà V cung cấp cho Toà án thì bà S chỉ đồng ý trả cho ông H và bà V những món nợ cụ thể như sau:

- + Tháng 2/2018 là 1.000.000đ.
- + Tháng 4/2018 là 2.000.000đ.
- + Tháng 4/2018 là 3.500.000đ.
- + Tháng 5/2015 là 20.000.000đ.
- + Tháng 7/2018 là 20.000.000đ
- Tổng cộng số tiền gốc là 47.500.000đ.

Và những món mà bà S và bà V thoả thuận có chữ 10/3 gồm 8 món gộp lại thành một món cụ thể như sau:

- + Tháng 8/2016 là 4.000.000đ
- + Tháng 12/2016 là 3.000.000đ
- + Tháng 3/2014 là 5.000.000đ
- + Tháng 5/2014 là 6.000.000đ
- + Tháng 7/2014 là 2.500.000đ

+ Tháng 7/2015 là 70.000.000đ

+ Tháng 9/2015 là 7.000.000đ

+ Tháng 3/2016 là 6.000.000đ

Tổng cộng số tiền gốc là 103.500.000đ.

Như vậy tổng cộng số tiền gốc mà bà S còn nợ là 151.000.000 đồng.

Bà S đã trả được số tiền là 59.700.000 đồng ngày 30/3/2018.

Như vậy bà S cho rằng còn nợ lại số tiền gốc là 91.300.000 đồng.

Nay, bà S đồng ý trả cho ông H bà V số tiền gốc là 91.300.000đ và số tiền lãi phát sinh từ ngày 10/5/2019 đến nay.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị V vẫn yêu cầu bà Đỗ Thị S phải trả số tiền vay còn nợ và tiền lãi cụ thể:

$772.500.000 \text{ đồng} \times 1,6\% \times 14 \text{ tháng (từ ngày 10/5/2019 đến 10/7/2020)} = 173.040.000 \text{ đồng.}$

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 772.500.000 đồng + 173.040.000 đồng = 945.540.000 đồng (*Chín trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng*).

Bà Đỗ Thị S chỉ đồng ý trả nợ 91.300.000đ và số tiền lãi phát sinh mức lãi suất 1,6%/tháng.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 10/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện ĐT. Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị V.

Buộc bà Đỗ Thị S phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị V số tiền là 945.540.000 đồng (*Chín trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng*).

Ngoài ra, Tòa án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 22/7/2020, bị đơn bà Đỗ Thị S có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án Dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 10/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện ĐT.

*Tại phiên tòa hôm nay:* Bị đơn bà Đỗ Thị S vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị V không chấp nhận kháng cáo và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhận định: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng pháp luật. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị S,

giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 10/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện ĐT.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xuất phát việc nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị V cho rằng từ năm 2013 đến năm 2018 có cho bị đơn bà Đỗ Thị S vay tiền nhiều lần, đến ngày 10/5/2019 các bên đối chiếu và chốt nợ, theo đó bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền gốc và lãi là 927.718.400 đồng, và thời hạn trả nợ là 02 tháng kể từ ngày chốt nợ. Do đến hạn trả nợ nhưng bị đơn không trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc là 772.500.000 đồng và 173.040.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 945.540.000 đồng.

Bị đơn bà Đỗ Thị S cho rằng bà có vay của nguyên đơn tổng số tiền 151.000.000 đồng, trong quá trình vay thì đã trả được số tiền 59.700.000 đồng nên hiện nay chỉ còn nợ lại nguyên đơn số tiền 91.300.000 đồng nên bà chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền này và lãi suất phát sinh tính từ ngày 10/5/2019 đến nay nên các bên phát sinh tranh chấp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị S thì thấy rằng:

Căn cứ vào 14 giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp thể hiện từ năm 2013 đến năm 2018 nguyên đơn có cho bị đơn vay nhiều lần tiền tổng cộng là 772.500.000 đồng là có trên thực tế và được các bên đương sự thừa nhận.

Dựa trên 14 giấy vay tiền này thì các bên chốt nợ lại bằng giấy vay tiền đề ngày 10/5/2019, theo đó bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền gốc và lãi là 927.718.400 đồng. Giấy vay tiền trên do chính bị đơn viết và ký xác nhận.

Bị đơn thừa nhận giấy vay số tiền 927.718.400 đồng là đúng nhưng phải xác định phần nào là tiền gốc, phần nào là tiền lãi và phải trừ đi số tiền đã trả theo những tài liệu chứng cứ đã được gạch bỏ, hiện nay bà chỉ còn nợ lại nguyên đơn số tiền 91.300.000 đồng nhưng bị đơn lại không có chứng cứ chứng minh và nguyên đơn cũng không thừa nhận và bản chính các giấy vay tiền và chốt nợ do nguyên đơn là người cất giữ để làm căn cứ khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trên để xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 772.500.000 đồng để buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc trên là có căn cứ.

Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 1,6%/tháng từ ngày chốt nợ 10/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (10/7/2020) là 14 tháng, trên số tiền gốc 772.500.000 đồng với số tiền lãi là 173.040.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự nên được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

Như vậy, tổng số tiền bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là 945.540.000 đồng (trong đó 772.500.000 đồng tiền gốc và 173.040.000 đồng tiền lãi).

Đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bị đơn thế chấp cho nguyên đơn để vay tiền, do các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết là có căn cứ, nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Với phân tích trên, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị S để giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị S không được chấp nhận nên bà S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Tuy nhiên, bà Đỗ Thị S, sinh năm: 1957. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì bà Đỗ Thị S đã hơn 60 tuổi. Theo Nghị quyết số: 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Đỗ Thị S được miễn toàn bộ án phí nên Tòa án cấp phúc thẩm cần miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà Đỗ Thị S là có căn cứ

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 - Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị S. Xử:

1- Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 10/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện ĐT về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” giữa nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị V với bị đơn bà Đỗ Thị S.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị V. Buộc bà Đỗ Thị S phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị V số tiền là 945.540.000 đồng (*Chín trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng*).

- Lãi suất chậm thi hành án:

“Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự”.

2- Về án phí sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đỗ Thị S.

3- Về án phí phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà Đỗ Thị S.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận**

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND H. ĐT;
- CCTHADS H. ĐT;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Mạnh Hùng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Mạnh Hùng - Huỳnh Châu Thạch**

**Bùi Hữu Nhân**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Mạnh Hùng - Huỳnh Châu Thạch**

**Bùi Hữu Nhân**



